

Lớp:	MTT48-DH2	Khoa:	CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU	Học phần:	THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐỘNG LỰC 2
Học kỳ:	II (HAI)	Năm học:	2010-2011	Loại:	HỌC PHẦN LOẠI II

Công thức:
$$X = \frac{\sum_{i=1}^n X_i}{n}$$
 và $Z = 0,3X + 0,7Y$

Số Đơn vị học trình			
LT	TH, TN	BTL	Tổng
2	1	Không	3

No.	Họ và Tên	Mã SV	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	Tổng số tiết vắng	Tổng số có mặt	đ1 %	Điểm kiểm tra			X1	X2	X3	X4	X	Y	Z	Ghi chú
																					L1	L2	L3								
1	Lê Thanh Bình	28883		3														3	27	90	7	8	5	9	6.67	8.00		8			ĐTC
2	Vũ Quang Bình	22318	3															3	27	90	5	8	4	9	5.67	6.00		7			ĐTC
3	Vũ Trung Cao	28884	3					3										6	24	80	6	7	6	8	6.33	7.00		7			ĐTC
4	Vũ Văn Duẩn	28886			3			3										6	24	80	6	8	4	8	6.00	6.00		7			ĐTC
5	Nguyễn Bình Dương	28887						3										3	27	90	6	8	8	9	7.33	7.00		8			ĐTC
6	Nguyễn Xuân Dương	25884	3															3	27	90	5	8	4	9	5.67	7.00		7			ĐTC
7	Triệu Văn Đấu	28889																0	30	100	6	8	5	10	6.33	7.00		8			ĐTC
8	Nguyễn Mạnh Điền	28890																0	30	100	8	8	6	10	7.33	8.00		8			ĐTC
9	Nguyễn Văn Định	28891																0	30	100	6	7	4	10	5.67	7.00		8			ĐTC
10	Phạm Hữu Đức	28892							3									3	27	90	7	8	4	9	6.33	7.00		7			ĐTC
11	Vũ Minh Đức	28893																0	30	100	6	8	6	10	6.67	7.00		8			ĐTC
12	Phạm Trung Giang	28894																0	30	100	7	8	4	10	6.33	7.00		8			ĐTC
13	Lê Văn Hiếu	28895							3									3	27	90	7	7	6	9	6.67	7.00		8			ĐTC
14	Trịnh Văn Hiếu	28896						3			3							6	24	80	8	8	6	8	7.33	7.00		7			ĐTC
15	Phạm Văn Hoàn	28898	3															3	27	90	6	7	3	9	5.33	7.00		7			ĐTC
16	Đoàn Huy Hoàng	28899						3										3	27	90	6	8	7	9	7.00	7.00		8			ĐTC
17	Nguyễn Văn Hoàng	28900																0	30	100	6	7	5	10	6.00	7.00		8			ĐTC
18	Lê Gia Hưng	28902																0	30	100	6	8	5	10	6.33	7.00		8			ĐTC
19	Ngô Văn Hưng	28903		3														3	27	90	6	8	5	9	6.33	7.00		7			ĐTC
20	Phạm Thị Hương	28904																0	30	100	7	8	8	10	7.67	8.00		9			ĐTC
21	Trịnh Tuấn Khanh	22360	3															3	27	90	5	7	5	9	5.67	6.00		7			ĐTC
22	Nguyễn Văn Khánh	28905	3															3	27	90	7	8	4	9	6.33	7.00		7			ĐTC
23	Lương Trung Kiên	28906																0	30	100	6	8	4	10	6.00	7.00		8			ĐTC
24	Phạm Trung Kiên	28907																0	30	100	6	8	4	10	6.00	7.00		8			ĐTC
25	Phạm Văn Kỳ	28908							3									3	27	90	7	8	5	9	6.67	6.00		7			ĐTC
26	Thái Văn lan	29591									3							3	27	90	7	7	7	9	7.00	7.00		8			ĐTC
27	Tiêu Hoàng Lộc	28910	3															3	27	90	5	7	4	9	5.33	7.00		7			ĐTC
28	Phạm Văn Lung	28911	3															3	27	90	6	8	7	9	7.00	7.00		8			ĐTC
29	Khổng Trung Minh	26009	3															3	27	90	6	8	5	9	6.33	6.00		7			ĐTC
30	Phạm Xuân Minh	28912									3							3	27	90	6	8	6	9	6.67	6.00		7			ĐTC

No.	Họ và Tên	Mã SV	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	Tổng số tiết vắng	Tổng số có mặt	đ1 %	Điểm kiểm tra			X1	X2	X3	X4	X	Y	Z	Ghi chú
																					L1	L2	L3								
31	Phạm Văn Mỹ	28913									3							3	27	90	6	8	5	9	6.33	7.00		7			ĐTC
32	Phùng Văn Nam	19757						3			3							6	24	80	6	9	6	8	7.00	7.00		7			ĐTC
33	Lê Hữu Nghĩa	28915																0	30	100	8	8	5	10	7.00	7.00		8			ĐTC
34	Hoàng Đình Phong	28916	3					3			3							9	21	70	7	8	5	7	6.67	6.00		7			ĐTC
35	Nguyễn Đức Quang	28918																0	30	100	7	9	8	10	8.00	8.00		9			ĐTC
36	Đặng Văn Quân	28919	3								3							6	24	80	6	8	5	8	6.33	7.00		7			ĐTC
37	Nguyễn Hữu Sáng	30314																0	30	100	7	8	8	10	7.67	8.00		9			ĐTC
38	Hứa Khắc Sơn	28921	3															3	27	90	5	8	3	9	5.33	6.00		7			ĐTC
39	Hoàng Đức Tâm	25899			3							3						6	24	80	5	8	0	8	4.33	6.00		6			ĐTC
40	Phan Minh Tâm	28923		3														3	27	90	7	8	6	9	7.00	7.00		8			ĐTC
41	Bùi Xuân Thái	28925																0	30	100	8	9	7	10	8.00	8.00		9			ĐTC
42	Đỗ Đức Thành	28924																0	30	100	6	9	7	10	7.33	8.00		8			ĐTC
43	Tô Ngọc Thắng	28927									3							3	27	90	7	8	8	9	7.67	7.00		8			ĐTC
44	Trần Chiến Thắng	28928							3									3	27	90	8	7	8	9	7.67	8.00		8			ĐTC
45	Trương Trọng Thuật	28930																0	30	100	6	8	5	10	6.33	7.00		8			ĐTC
46	Bùi Ngọc Thứ	28931																0	30	100	6	8	6	10	6.67	7.00		8			ĐTC
47	Phạm Xuân Tiềm	28192			3						3							6	24	80	6	8	6	8	6.67	7.00		7			ĐTC
48	Nguyễn Đình Tiệp	28932																0	30	100	6	7	5	10	6.00	7.00		8			ĐTC
49	Đào Tiến Triển	28933									3							3	27	90	7	9	6	9	7.33	7.00		8			ĐTC
50	Đặng Văn Trọng	28934																0	30	100	6	8	6	10	6.67	7.00		8			ĐTC
51	Trần Đăng Trường	28935																0	30	100	5	8	7	10	6.67	7.00		8			ĐTC
52	Trần Ngọc Tú	28940	3															3	27	90	6	8	6	9	6.67	7.00		8			ĐTC
53	Khúc Thanh Tuấn	28937																0	30	100	7	9	7	10	7.67	7.00		8			ĐTC
54	Phạm Thanh Tùng	28938	3															3	27	90	6	8	4	9	6.00	7.00		7			ĐTC
55	Nguyễn Văn Tự	28941																0	30	100	7	8	6	10	7.00	8.00		8			ĐTC
56	Phạm Văn Viễn	28942																0	30	100	6	8	7	10	7.00	8.00		8			ĐTC
57	Tống Vũ Việt	28943						3										3	27	90	7	9	8	9	8.00	7.00		8			ĐTC